

Bản án số: 175/2024/HNGĐ-ST
ngày 02/12/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978; địa chỉ: Số B đường T, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Sỹ L, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số B đường T, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Nguyễn Thị T) và ông Hoàng Sỹ L quen biết nhau và được hai bên gia đình đồng thuận tổ chức lễ cưới vào ngày 16/12/1996,

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 87 quyển số 01/2004 cấp ngày 04/11/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, chúng tôi đã nhiều lần tạo cơ hội cho nhau, cùng nhau thay đổi để hoà hợp nhưng kết quả vẫn không thành. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L.

+ Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là: Hoàng Sỹ Đ, sinh ngày 04/4/1998 và Hoàng Sỹ H, sinh ngày 12/4/2003, hiện hai con đã đủ tuổi thành niên không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Quyền và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Hoàng Sỹ L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 31/10/2024; tham gia phiên tòa vào ngày 20/11/2024 nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Đồng thời, ông L cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Ngày 21/10/2024 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa bà T, ông L tại Hội liên hiệp phụ nữ phường B và được cung cấp như sau: Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, bà T, ông L không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thì vấn đề mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung thì Hội liên hiệp phụ nữ phường không rõ vì không có thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; bị đơn ông Hoàng Sỹ L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ các Điều 207, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyển số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/11/2004 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình, đã nhiều lần tạo cơ hội cho nhau, cùng nhau thay đổi để hoà hợp nhưng kết quả vẫn không thành. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Bà T xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông L đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa trong vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không thể hiện ý muốn hòa giải đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là: Hoàng Sỹ Đ, sinh ngày 04/4/1998 và Hoàng Sỹ H, sinh ngày 12/4/2003, hiện hai cháu Đ và H đã đủ tuổi thành niên không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp ly hôn đối với bị đơn ông Hoàng Sỹ L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Hoàng Sỹ L (Giấy chứng nhận kết hôn số 87, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/11/2004).

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là: Hoàng Sỹ Đ, sinh ngày 04/4/1998 và Hoàng Sỹ H, sinh ngày 12/4/2003, hiện hai cháu Đ và H đã đủ tuổi thành niên không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001600 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự (2); **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố Dĩ An (1);

- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);

- TAND tỉnh Bình Dương (1);

- UBND xã Thiệu Vân, thành phố

Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (1);

- Lưu: VT, HSVA (2).

Nguyễn Minh Hoàng

